

KINH ĐẠI THÁNH HÀN LÂM NAN NOA ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tây Thiên Trung Ấn Độ, Nước Ma Già Đà, Chùa Na Lan Đà _ Tam Tạng Truyền Giáo Đại Sư, Sa Môn được ban áo tía (kẻ bầy tôi là) PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe: Một thời, Đức Bạc Già Phạm ngự trong thành Vương Xá . Lúc đó Tôn Giả **La Hầu La** (Rāhula) đi đến vùng đất **Dụng Khi Ca Gia Đát Năng** (Ingikayatana) trong **rừng lạnh** (Śita-vana: hàn lâm) ở giữa các mỏm lớn

Khi ấy có các hàng **Thiên My** (Devagrahā), **Long My** (Nāgagrahā), **Dược Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa), **Khẩn Nại La** (Kinnara), **Nghiệt Lỗ Đồ** (Garuḍa), **Ma Hộ La Nga** (Mahoraga) cùng với tất cả **Người** (Manuṣya), **Phi Nhân** (Amanuṣya) khác, **Nga Quỷ** (Preta), **Bộ Đa** (Bhūta), **Tỳ Xá Tá** (Piśāca), **Cung Bạ Noa** (Kumbhaṇḍa) đi đến gây si mê. Cũng có nhiều giống dị loại, chim quạ, chim khách, Huân Hồ (loài cáo ở phương Bắc) , chó sói, sâu trùng, kiến ... rất u nhiều nảo

Lúc đó Tôn Giả La Hầu La đi đến nơi Đức Phật ngự. Đến xong cúi mặt sát đất lễ bàn chân của Đức Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng, đứng trước mặt Đức Thế Tôn rơi lệ buồn khóc

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo La Hầu La rằng: “Nay vì sao ông lại đứng trước mặt Ta rơi lệ buồn khóc như vậy?!”

La Hầu La nói: “Như vậy! Thế Tôn! Lúc trước con trụ nơi thành Vương Xá, ở giữa các mỏm lớn thuộc vùng đất **Dụng Khi Ca Gia Đát Năng** (Ingikayatana) trong rừng lạnh. Khi đó có các hàng Thiên My (Devagrahā), Long My (Nāgagrahā), Dược Xoa (Yakṣa), La Sát (Rākṣasa), Khẩn Nại La (Kinnara), Nghiệt Lỗ Đồ (Garuḍa), Ma Hộ La Nga (Mahoraga) cùng với tất cả Người (Manuṣya), Phi Nhân (Amanuṣya) khác, Nga Quỷ (Preta), Bộ Đa (Bhūta), Tỳ Xá Tá (Piśāca), Cung Bạ Noa (Kumbhaṇḍa) đều đến làm cho con bị si mê. Cũng có nhiều giống dị loại, chim quạ, chim khách, Huân Hồ (loài cáo ở phương Bắc) , chó sói, sâu trùng, kiến ... gây nhiều nhiều nảo cho con”

_Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn Giả La Hầu La rằng: “La Hầu La! Nay ông hãy lắng nghe! Đây có **Đại Minh Bí Mật Nan Noa Đà La Ni** để ủng hộ thính chúng (những người đang lắng nghe) . Nếu **Bật Sô**, **Bật Sô Ni**, **Ồ Bá Tác Câu**, **Ồ Bá Tư Ca** muốn có lợi ích trong đêm dài được an vui , nên nói Đà La Ni là:

- 1_ **Đát nễ-dã tha** (TADYATHĀ)
- 2_ **A nga võng nga bà nga** (AṄGA VAṄGĀ BHAṄGA)
- 3_ **Phộc lẳng nga** (VARAṄGĀ)
- 4_ **Tằng sa la đá lẳng nga** (SAMSĪRATARAṄGĀ)
- 5_ **Sa ma phộc na sa** (SASĀDAṄGĀ)
- 6_ **B nga nhĩ tố la** (BHAGĀ ASURĀ)
- 7_ **Ế ca đá la, a la vĩ la** (EKATARAṄGĀ, ARA VĪRĀ)
- 8_ **Đá la vĩ la** (TARA VĪRĀ)
- 9_ **Đá la đá la, vĩ la** (TARA TARA VĪRĀ)
- 10_ **Ca la vĩ la, ca la ca la , vĩ la** (KARA VĪRĀ, KARA KARA VĪRĀ)
- 11_ **Ấn na, ấn na kế sa la** (INDRĀ INDRA KISARĀ)

- 12_ Hãn sa hãn sa kê sa la (HANSĀ HANSĀ KISARĀ)
13_ Tất tức ma la (PICIMALĀ)
14_ Ma hạ chỉ tá vĩ hứ đá ca (MAHĀ-CICCĀ VIHETHIKĀ)
15_ Ca la thế ca, a ngu na la (KĀLUCCHIKĀ AṄĠĀDARĀ)
16_ Nhạ dã, nhạ gia lê ca (JAYĀ JAYĀ LIKĀ)
17_ Tế la, ế la (DELĀ ELĀ)
18_ Vĩ đá lê tức tức hề lê hề lê (CINTĀLI, CILI CILI, HILI HILI)
19_ Ta ma đế phộc tô ma đế (SAMATI VASUVATI)
20_ Tô lỗ năng xỉ, tổ lỗ tổ lỗ năng xỉ (CULU NADḌE, CULU CULU NADḌE)
21_ Tô la năng ni củ năng ni (CULU NĀDI, KUNĀDI)
22_ Hạ lật tra chỉ (HĀRĪṬAKI)
23_ Ca lật tra chỉ ca lật tra chỉ (KĀRĪṬAKI VĀRĪṬAKI)
24_ Kiểu lý hiển đà lý (GAURI GANDHĀRI)
25_ Tán noa lý ma đặng nghĩ (CANḌĀLI MĀTAṄGI)
26_ Đạt la nê đà la nê (DHĀRAṆI DHARAṆI)
27_ Ô sắt-đát-la bá lật kê (DAMṢṬRA-MĀLIKE)
28_ Ca tả ca lý kê phộc la năng ni (KACA KĀCIKE, KACA VĀCIKE)
29_ Ca yết lật kê (KAKA LIPTE)
30_ La la ma đế (LALAMATI)
31_ La khát-xoa ma đế (LAKṢAMATI)
32_ Phộc la củ lễ (VARĀHA KULE)
33_ Ma nễ-dã đế (MANYATE)
34_ Ô đát-bả lễ ca la vĩ lệ (UTPALE KARAVĪRE)
35_ Đa la vĩ lệ (TARA VĪRE)
36_ Đá la đá la vĩ lệ củ lỗ vĩ lệ, củ lỗ củ lỗ, vĩ lệ (TARA TARA VĪRE, KURU VĪRE, KURU KURU VĪRE)
37_ Tô lỗ tổ lỗ vĩ lệ (CURU CURU VĪRE)
38_ Ma hạ vĩ lệ nga la ma đế (MAHĀ-VĪRE IRAMATI)
39_ Tạt la ma đế (CARAMATI)
40_ La khát-xoa ma đế (RAKṢA-MATI)
41_ Tát phộc la-tha sa đà ninh (SARVĀRTHA SĀDHANI)
42_ Bả la ma la-tha sa đà ninh (PARAMĀRTHA SĀDHANI)
43_ A bát-la đế hạ đế (APRĀTIHATE)
44_ Ấn nại-lỗ la nhạ (INDRO RĀJĀ)
45_ Tô mơ la nhạ (YAMO RĀJĀ)
46_ Phộc lỗ nữ la nhạ (VARṆO RĀJĀ)
47_ Củ phệ lỗ la nhạ (KUIVERO RĀJĀ)
48_ Ma năng tất-vĩ la nhạ (MANASVĪ RĀJĀ)
49_ Phộc tổ kê la nhạ (VĀSUKĪ RĀJĀ)
50_ Nan noa ngật-ninh la nhạ (DANḌĀGNĪ RĀJĀ)
51_ Một độ sa hạ sa-la địa bả đế la nhạ (BUDDHO SAHASRĀDHIPATĪ RĀJĀ)
52_ Một độ b nga vn đạt ma sa-phộc nhĩ la nhạ (BUDDHO BHAGAVĀN DHARMA SVĀMĪ RĀJĀ)
53_ A nỗ đá lỗ lộ ca nỗ kiếm bả ca (ANUTTARO LOKĀNUKAMPAKAḤ)
54_ La khát-xoa, la khát-xoa hàm, a hứ băng (RAKṢA RAKṢA MĀM, MANA-SAPARIVĀRASYA)

- 55_ Tát phộc tát đá- phộc nan tả (SARVA-SATTVĀNĀMCA)
56_ La khát-sản ca lỗ đô (RAKṢAM KURVANTU)
57_ Bả lý đát-la nam (PARIGRĀNĀM)
58_ Bả lý nghiệt-la hám (PARIGRĀHAM)
59_ Bả lý ba la năng (PARIPĀRAM)
60_ Phiến đễ-dựng sa-phộc tất-đễ-dã dã năng (ŚĀNTIM SAVASYĀNĀM)
61_ Nan noa bả lý hạ lam (DANḌA PARIHĀRAM)
62_ Thiết sa-đát-la bả lý hạ lam (ŚASTRA PARIHĀRAM)
63_ Vĩ sái nõ sái nam (VIṢA-DŪṢAṆAM)
64_ Vĩ sái năng xá nam (VIṢA NĀṢANAM)
65_ Tỷ ma mãn đặng đà la nê (SĪMĀ BANDHA DHARAṆI)
66_ Mãn đặng tả củ la-văn đở (BANDHAMCA KARUVANTU)
67_ Nhĩ phộc đô văn lý-sái xá đặng (JĪVATU VARṢA ŚATAM)
68_ Bả xá-dã đô thiết la na thiết đặng (PASYATU ŚARADĀM ŚATAM)
69_ Đát nễ-dã tha (TADYATHĀ)
70_ Phộc la phộc đễ (BALA VATI)
71_ Tạt la ma đễ (CALA MATI)
72_ Đá la ma đễ (TALA MATI)
73_ Lạc khát-xoa ma đễ (LAKṢA MATI)
74_ La khát-xoa ma đễ (RAKṢA MATI)
75_ Hộ lỗ ma đễ (HURU MATI)
76_ Hộ lỗ hộ lỗ (HURU HURU)
77_ Phở lỗ phở lỗ (PHURU PHURU)
78_ Tạt la tạt la (CALA CALA)
79_ Thiết đở-lung cự lỗ cự lỗ (ŚATRŪM KURU KURU)
80_ Ma đễ ma đễ (MATI MATI)
81_ Phở nhĩ tán nê (BHŪMI CAṆḌE)
82_ Ca lý kế trí (KĀLIKE)
83_ A chỉ sa la tỳ nĩ (ABHISAMLĀṢITE)
84_ Sa ma năng đễ (SAMALATI)
85_ Hộ lễ tốt-thổ lễ sa-tha la thủy đà lệ (HULE STHŪLE STHŪLA ŚIKHARE)
86_ Nhạ dã tốt-thổ lễ (JAYA STHŪLE)
87_ Nhạ la năng nãi (JALA NĀDI)
88_ Tổ lỗ năng nãi (CURU NĀDI)
89_ Phộc ngật-văn đà nễ (VAG BANDHANI)
90_ Vĩ lỗ hạ nê tổ lỗ hứ đễ (VIROHINI GOROHINI)
91_ A noa lệ , bán noa lệ (AṆḌALA PAṆDALE)
92_ Ca la lễ (KARĀLE)
93_ Khấn năng lệ (KINNARE)
94_ Kế dử lệ (KEYURE)
95_ Kế đô ma đễ (KETUMATI)
96_ Phở đặng nga mê (BHŪTAṆGAME)
97_ Phở đá ma đễ, thán nễ-duệ mặng nga lê- tuệ (BHŪTA-MATI DHANYE MAṆGALYE)
98_ Ma hạ phộc la (MAHĀ-BALE)
99_ Lỗ hứ đa mẫu lễ (ROHĪTA MŪLE)
100_ A tạt lỗ nê (ACALA DANḌE)

- 101- Đà la đà la (DHARA DHARA)
 102_ Nhạ dã lý kế (JAYA LĪKE)
 103_ Nhạ dã kiều lộ hạ nê (JAYA GOROHINI)
 104_ Tổ lỗ tổ lỗ (CURU CURU)
 105_ Luậן đà luậן đà (CUNDHA CUNDHA)
 106_ Phổ lỗ phổ lỗ (PHURU PHURU)
 107_ Ngu lỗ ngu lỗ (KHURU KHURU)
 108_ Cự lỗ cự lỗ (KURU KURU)
 109_ Ma để ma để (MATI MATI)
 110_ Mãn thố ma để (BANDHA MATI)
 111_ Độ luậן đà lỗ đà lê (DHURAN DHARE)
 112_ Đà lệ đà lệ (DHARE DHARE)
 113_ Vĩ đà lệ, vĩ ma để, vĩ ma-kiếm bà nĩ (VIDHARE VIMATI
 VIṢKAMBHINI)
 114_ Nẵg xá nĩ, vĩ nẵg xá nĩ (NĀŚANI VINĀŚANI)
 115_ Mãn đà nĩ, mô khát-xoa nê (BANDHANI MOKṢANI)
 116_ Vĩ mô tạt nĩ (VIMOCANI)
 117_ Mô hạ nĩ bà phộc nĩ (MOHANI BHAVANI)
 118_ Thú đà nĩ, tăng thú đà nĩ (ŚODHANE SAMŚODHANE)
 119_ Vĩ thú đà nĩ (VIŚODHANE)
 120_ Tăng khế la nê (SAMKHIRANI)
 121_ Tăng kế la nĩ (SAMKHIRANI)
 122_ Tăng sai na nĩ (SAM-CCHINDANI)
 123_ Tăng thế na nĩ (SAM-CCHINDANI)
 124_ Sa độ đá lỗ (SĀDHU TURA)
 125_ Ma nễ ma nễ, hạ la hạ la (MĀNE MĀNE , HĀRA HĀRA)
 126_ Mãn độ ma để (BANDHU-MATI)
 127_ Hứ lý hứ lý (HIRI HIRI)
 128_ Xí lý xí lý, già la lẽ (KHIRI KHIRI KHURALI)
 129_ Hộ lỗ hộ lỗ (HURU HURU)
 130_ Bẵg nga lẽ (PIŅGALE)
 131_ Nẵg mô tốt-đổ một đà nam, bà nga phộc đặg sa-phộc hạ
 (NAMOŚTU BUDDHĀNĀM BHAGAVA TĀM SVĀHĀ)

Lại nữa La Hầu La! Người niệm tụng Đại Minh Đà La Ni này hay đem hương hoa mà làm cúng dường với kết Ấn Khế, chí tâm niệm tụng 108 biến kết các sợi dây rời cột tay với đeo trên cổ liền được **Chu Biến Bách Du Thiện Na** hay làm ủng hộ . Nhóm Người, Phi Nhân thấy đều xa lìa cũng chẳng bị nước lửa cuốn chìm thiêu đốt. Dao, gậy, thuốc độc, bệnh sốt rét, bệnh dịch chẳng thể xâm hại cũng chẳng bị chết yểu, bệnh Vĩ Đất Noa với các Thuật của Minh Chú. Tụng Chân Ngôn này đều được an vui

Nếu bị người khác cột trói, liền được giải thoát. Tất cả tai nã, kiện tụng, đấu tranh cũng đều được trừ diệt

Nếu có Quỷ Mỵ đến gây nhiễu loạn chẳng chịu lui tan. Chỉ chuyên chí tâm tụng Chân Ngôn này. Quỷ Thần của nhóm ấy thấy người tụng như Chấp Kim Cương Đại Dược Xoa Chủ thuần một chất Kim Cương rực lửa uy mãnh nóng bức hừng hực, bốn vị Đại Thiên Vương cầm bánh xe sắt, đao kiếm sắc bén xua đuổi khiến cho chạy tan, đầu bị bẻ thành 7 phần, thân thể rách nát. Nếu Quỷ Mỵ ấy quay về chỗ ở cũ thì các

đồng loại chẳng nhận vào Chúng cũng chẳng cho trú ở Đô Thành của **A Tra Ca Phộc Đế Đại Vương** (Aṭavaka Mahā-rāja)

Lại nữa La Hầu La! Chí tâm tụng trì **Nan Noa Đại Minh Đà La Ni** này liền được lia hẳn các nạn về :vua chúa, giặc cướp, nước, lửa, khí độc, đao, gậy, nơi vắng vẻ, núi, rừng, nẻo ác hiểm nạn... Người đi qua lại thấy đều không có sợ hãi

Lại nữa La Hầu La! **Nan Noa Đại Minh Đà La Ni** này là điều mà 91 cãng già sa số chư Phật đã nói, đang nói , sẽ nói, có đầy đủ Thần Thông mà bậc Đại Thần Thông, các Trời, Rồng, Dược Xoa, Kiên Thất Bà, A Tổ Lạc, Nghiệt Lỗ Đồ, Ma Hộ La Nga, tất cả Quần Sinh vây quanh lễ bái. Các chúng sinh ấy lia tất cả sự sợ hãi đều được an vui”

Thời Tôn Giả La Hầu La với các Đại Chúng nghe Đức Thế Tôn nói đều một lòng tin nhận , lễ Phật rồi lui ra

KINH ĐẠI THÁNH HÀN LÂM NAN NOA ĐÀ LA NI

Hết

*) Phần chú thích ghi nhận **Đà La Ni** này là:

TADYATHĀ: AṄGA VAṄGA KALĪṄGĀ BHAṄGĀ VARAṄGĀ
SAMŚĪRATARAṄGĀ, SĀSADAṄGĀ, BHAGĀ, ASURĀ, EKATARAṄGĀ,
ASURAVĪRĀ, TARA VĪRĀ TARA TARA VĪRĀ, KARA VĪRĀ, KARA KARA
VĪRĀ, INDRĀ INDRA KĪSARĀ, HANSĀ HANSA KĪSARĀ PICIMALĀ.
MAHĀ-CCICĀ. VIHETHIKĀ, KĀLUCCHIKĀ, AṄGĀDARĀ JAYĀ JAYĀ LIKĀ
DELĀ ELĀ CINTĀLI, CILI CILI HILI HILI SUMATI, VASUVATI, CULU
NADḌE, CULU CULU NADRE, CULU CULU CULU NADḌE, CULU NĀḌI ,
KUNĀDI, HĀRĪṬAKI HĀRĪṬAKI, KĀRĪṬAKI KĀRĪṬAKI, VARĪṬAKI
VARĪṬAKI, GAURI GAURI , GANDHĀRI, CAṄḌĀLI, VELĀLI, MATAṄGI,
VACASI, DHARAṆI, DHARAṆI, TARAṆI TĀRAṆI, DAMŚṬRAMĀLIKE,
KACA KĀCIKE, KACA VĀCIKE, CARANĀṬIKE, KACA LIPTĒ, LALAMATI,
LAKṢAMATI, VARĀHA KULE, MATPALE, UTPALE, DHĀRĀ KALI PĀRĀ
KULI, KARAVĪRE, KARA KARA VĪRE, TARA VĪRE, TARA TARA VĪRE,
KURU VĪRE, KURU KURU VĪRE, CURU VĪRE, CURU CURU VĪRE, MAHĀ
VĪRE, IRAMATI, CARAMATI, RAKṢAMATI, SARVĀRTHA SĀDHANI,
PARAMĀRTHA SĀDHANI, APRATIHAṬE, INDRO RĀJĀ, YAMO RĀJĀ,
VARṆO RĀJĀ, KUVERO RĀJĀ, KUMBĀṄḌO RĀJĀ, MANASVĪ RĀJĀ,
VĀSUKĪ RĀJĀ, DAṄḌAKĪ RĀJĀ, DAṄḌĀṄḌĪ RĀJĀ, DHṚṬARĀṢṬRO RĀJĀ,
VIRŪDAKO RĀJĀ, VIRUPAKṢO RĀJĀ, BRAHMĀ SAHASRĀDHIPATĪ RĀJĀ,
BUDDHO BHAGAVĀN DHARMA SVĀMĪ RĀJĀ, ANUTTARO
LOKĀNUKAMPAKAḤ. MANASAPARIVĀRASYA SARVASATTVAṄCA
RAKṢAM KURVANTU GUPTIṀ PARIGRĀNAM PARIPĀRAM ŚĀNTIṀ
SVASTYANAM DAṄḌA PARIHĀRAM ŚĀSTRA PARIHĀRAM
VIṢADŪṢANAM VIṢANĀṢANAM ŚĪMAVANDHADHARAṆĪ VANDHAṆCA
KURVANTU JĪVATU VARṢA ŚATAM PASYATU ŚARADĀM.

TADYATHĀ: ILĀMILĀ, UTPALĀ, IRAMATI VIRAMATI RAKṢAMATI
HARAMATI TALAMATI LAKṢAMATI , KURU KURU MATI. HURUMATI,
HURU HURU, PHURU PHURU, CURU CURU, KARA KHARA, KHURU
KHURU, MATI MATI, BHŪMI CAṄḌA, KĀLIKE, ABHISAMLĀṢITE,
SAMALATE, HULE STHŪLE STHŪLA ŚIKHARE, JAYA STHŪLE,
VALAVADŪ, JAYANAṄGE, CALA NĀḌI, CURU NĀḌI, CURU CURU NĀḌI,
VĀG VANDHANI, VIROHINI, GOROHINI, AṄḌARE PAṄḌARE, KARĀLE,

KINNARE, VIDURE, KEYURE KETUMATI, BHŪTAMATI, BHŪTAṄGAME,
DHAUYE MANŅALYE, HIRAᅇYE GARBHE. MAHĀVALE, AVALE,
KITAMŪLE, ACALA CANDRE, DHURANDHARĀ, JAYĀ LIKE, JAYĀ
GOROHINI, CURU CURU, PHURU PHURU, CUNDA CUNDA, KHURU
KHURU, PHURU PHURU, KHURAMATI, VANDHAMATI SVĀHĀ.
DHURANDHARE DHURANDHARE, VIDHARE, VIMATI, VISKAMBHINI,
BHĀVANI VIBHĀVANI, NĀŚANI VINĀŚANI, VANDHANI, MOKŚANI
ŚODHANI, SĀDHANI, SAᅇŚODHANI, VIŚODHANI, SAᅇKHIRANI,
SAᅇKIRANI, SAᅇCCHINDANI, SĀDHU TURAMĀNE, TURU TURU,
MANOHARA MANOHARA, VANDHUMATI, HIRI HIRI, KHIRI KHIRI,
KHURALI, HURU HURU, KHURU KHURU, PIᅇNGALE MANOŚTU
BUDDHĀNAᅇ BHAGAVATAᅇ SVĀHĀ

19/07/2008